

Bản án số: 484/2019/KDTM-PT

Ngày: 28/5/2019.

Về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương.
- Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo.

Ông Nguyễn Ngọc Tài.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đồi – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 và ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2019/DSPT ngày 10/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1624/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 330/2018/QĐ-SCBSBA ngày 10/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1286/2019/QĐ-PT ngày 21/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2525/2019/QĐ-PT ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông VB, sinh năm 1957. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 129 NĐC, Phường 6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 60/74 LCT, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng PMV.

Trụ sở: ấp Bình Hữu 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Địa chỉ văn phòng đại diện: 287 đường NTT, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện là ông Nguyễn Ph H, theo giấy ủy quyền số 02/2018/UQ-PMV ngày 04/4/2018. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Lê Hữu V - Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên CT Law thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Đầu tư PV.

Địa chỉ: 287 NTT, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện là ông Nguyễn Ph H, theo giấy ủy quyền số số 03/UQ-PV ngày 18/7/2018. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn VH, sinh năm 1960. (Có mặt).

Thường trú: 285 NTT, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông VB - Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông VB trình bày:*

Ngày 01/8/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng PMV (sau đây gọi là Công ty PMV) do ông Nguyễn VH làm đại diện theo pháp luật và ông có lập “Hợp đồng mượn tiền” số 01-2013/PMV-VB (sau đây gọi là Hợp đồng 01), với nội dung ông cho Công ty PMV mượn số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn từ ngày 01/8/2013 đến 31/12/2013, mục đích là để bổ sung vốn đầu tư xây dựng. Ông đã giao đủ số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng cho Công ty PMV bằng tiền mặt, thể hiện tại phiếu thu số 01 ngày 01/8/2013.

Ngày 31/12/2013, đến hạn trả nợ nhưng Công ty PMV không trả tiền, sau đó ông Hiền có thương lượng với ông là cho Công ty vay thêm 6 tháng và ông đồng ý. Nhưng do Hợp đồng 01 đã hết hạn, nên hai bên làm thủ tục tắt toán hợp đồng và lập phiếu chi vào ngày 31/12/2013 (làm hình thức không giao nhận tiền), với nội dung Công ty PMV trả ông Bằng 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng.

Ngày 02/01/2014, Công ty PMV và ông tái lập tiếp “Hợp đồng mượn tiền” số 02-2014/PMV-VB (sau đây gọi là Hợp đồng 02) với nội dung: ông cho Công ty PMV mượn số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng, thời hạn từ ngày 02/01/2014 đến ngày 30/6/2014, lãi suất theo thỏa thuận. Thực tế hai bên không giao nhận tiền mà chuyển khoản tiền từ Hợp đồng số 01 sang, mục đích là để kéo dài thời gian vay của Hợp đồng số 01.

Đến ngày 12/03/2014, Công ty PMV đã trả cho ông nợ gốc là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, có xuất phiếu chi với nội dung “*chi trả tiền mượn ông VB*” có đầy đủ chữ ký của ông Hiền, thủ quỹ và kế toán công ty.

Đến ngày 30/6/2014 là ngày hết thời hạn mượn nợ nhưng Công ty PMV không thanh toán nợ, do đó ngày 03/7/2014, ông đã gửi thông báo yêu cầu thanh toán số tiền mượn nợ, thời hạn thanh toán đến hết ngày 15/7/2014.

Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo mà Công ty PMV vẫn không thực hiện trả nợ và cũng không có bất kì phản hồi nào. Do đó, ngày 15/01/2015, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty PMV phải thanh toán số nợ gốc còn lại theo Hợp đồng 02 là 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng và ngày 30/5/2018 ông khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc Công ty PMV thanh toán thêm phần lãi từ số nợ trên, lãi suất được tính theo lãi phạt quá hạn là 18%/năm, tạm tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/11/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 2.475.000.000 đồng.

- Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Ph H trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ: Phiếu chi trả 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng cho ông Bằng để tất toán Hợp đồng 01 và phiếu thu mượn 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng cho Hợp đồng 02 chỉ sử dụng cho cá nhân ông Hiền và ông Bằng, vì không có đầy đủ chữ ký của bộ phận liên quan trong Công ty PMV. Do ông Bằng thường xuyên đến công ty đòi nợ, gây mất trật tự, nên ông Hiền có tạm ứng tiền của Công ty PMV 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng để trả nợ gốc cho ông Bằng và một khoản lãi vào ngày 12/03/2014.

Ngày 28/5/2014, các bên có lập “Biên bản thỏa thuận” về việc trả nợ và thanh lý nợ với nội dung: “Ông Nguyễn VH đại diện Công ty PV trả cho ông VB số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng thì ông Bằng bàn giao lại tài sản thế chấp gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 881542 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 881552 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LD cấp ngày 16/3/2006 cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ T&D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03811 do Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/8/2004 cho bà Trần Thị Mai Tr”. Ông Bằng có ký xác nhận đã nhận đủ 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng. Tuy nhiên, do người soạn văn bản là nhân viên mới vào làm của Công ty PMV nên Biên bản thỏa thuận nói trên có sự nhầm lẫn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng PMV và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Đầu tư PV (sau đây gọi là Công ty PV), việc ông Nguyễn VH đại diện cho Công ty PV thanh lý, trả nợ cho ông B theo biên bản là không có. Đồng thời,

do tại thời điểm thực hiện việc trả nợ là lúc 18h, các bộ phận kế toán đã về hết, nên không còn ai lập phiếu chi cho ông B ký, sau đó Công ty PMV có yêu cầu ông B đến ký nhưng ông B không đến và ông Bằng đã lợi dụng sự nhầm lẫn này để khởi kiện yêu cầu Công ty PMV phải trả 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VH trình bày:*

Năm 2012, do có khó khăn và để trang trải trong quá trình hoạt động kinh doanh của cá nhân, ông có vay ông VB một số tiền và có dùng 02 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của Công ty T&D để thế chấp và có sự bảo lãnh của Công ty PV. Sau nhiều lần ông đã trả gốc và lãi, tính đến ngày 18/6/2013 ông còn nợ tiền gốc và lãi là 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng.

Do không thể trả nợ cho ông B như đã cam kết, nên ngày 01/8/2013, ông B đề nghị ông dùng pháp nhân Công ty PMV (do ông làm Tổng Giám đốc) để ký lại hợp đồng, ông đã đồng ý nên hai bên đã tiến hành ký Hợp đồng 01 như nguyên đơn trình bày. Thực tế số tiền nợ 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng là khoản nợ cũ của cá nhân ông trước đó được chuyển sang, ông B không thực hiện việc giao nộp tiền tại Công ty PMV.

Sau đó, do ông B thường xuyên đến Công ty PMV để đòi nợ nên ông có tạm ứng tiền của Công ty PMV trả lãi cho ông B hai lần tổng cộng là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, kế toán cũng đã thực hiện việc xuất phiếu chi cho ông B để hợp thức hóa hai lần chi này cho phù hợp với Hợp đồng 02. Các phiếu chi trả lãi này đều có xác nhận của ông B là “tạm ứng tiền lãi cho hợp đồng vay của chú H”.

Theo cam kết ngày 12/3/2014, ông đã trả nợ gốc cho ông B 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và 01 khoản lãi, ông B xác nhận bằng giấy tay, sau đó đến công ty ký vào phiếu chi cho phù hợp với Hợp đồng 02 (không có việc giao tiền).

Ngày 28/5/2014, các bên có lập Biên bản thỏa thuận về việc trả nợ và thanh lý nợ và nội dung văn bản này có sự nhầm lẫn như bị đơn đã trình bày. Ông khẳng định Hợp đồng 01 và 02 không có việc giao nhận tiền mà chỉ là hợp đồng nối tiếp từ khoản vay cá nhân của ông, đã được ông trả hoàn tất vào ngày 28/5/2014. Ông B đã lợi dụng tình thân, lợi dụng sự sai sót trong câu chữ trong Biên bản ngày 28/5/2014 để khởi kiện Công ty PMV.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty PV có ông Nguyễn Ph H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 02/5/2013, Công ty PV có dùng tài sản là 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của Công ty T&D - là tài sản mà Công ty PV được quyền thi hành án để thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của ông Nguyễn VH với ông VB. Việc bảo lãnh

này được thông qua tại Biên bản họp hội đồng thành viên của Công ty PV ngày 02/5/2013.

Ngày 28/05/2014, các bên có lập Biên bản thỏa thuận về việc trả nợ và thanh lý nợ giữa ông H, ông B và các bên có liên quan. Nội dung tại Biên bản này có sự nhầm lẫn câu chữ như lời trình bày của bị đơn và ông H. Công ty PV xác nhận Công ty chỉ bảo lãnh cho khoản vay cá nhân của ông Hiền và ông VB.

*Quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp trên như sau:*

- Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2015/KDTM-ST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông VB; buộc Công ty PMV có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án nói trên, yêu cầu giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Giải quyết phúc thẩm bản án nói trên, Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 297/2016/KDTM-PT ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Chấp nhận kháng cáo của Công ty PMV và ông Nguyễn VH, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2015/KDTM-ST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông VB đòi Công ty PMV phải trả số tiền vay còn nợ là 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng theo Hợp đồng mượn tiền số 01/2013/PMV-VB ngày 01/8/2013 và Hợp đồng mượn tiền số 02/2013/PMV-VB ngày 02/01/2014 giữa ông VB và Công ty PMV.

- Ngày 26/4/2017, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 31/2017/KN-KDTM, kháng nghị Bản án số 297/2016/KDTM-PT ngày 08/3/2016 nói trên, với nội dung: Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 297/2016/KDTM-PT ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2015/KDTM-ST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 16/9/2017, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 45/2017/KDTM-GĐT, quyết định: Chấp nhận kháng nghị số 31/2017/KN-KDTM ngày 26/4/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy Bản án phúc thẩm số 297/2016/KDTM-PT ngày 08/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

và hủy Bản án sơ thẩm số 20/2015/KDTM-ST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Giải quyết lại (Lần 2) vụ án nói trên, Bản án số 1624/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông VB về việc buộc bị đơn là Công ty PMV thanh toán nợ gốc 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng và nợ lãi là 2.475.000.000 (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu) đồng. Tổng cộng là 5.475.000.000 (Năm tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2018 và ngày 18/12/2018, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng, đối với phần lãi suất thì yêu cầu Tòa án áp dụng lãi suất và lãi quá hạn theo quy định; rút nội dung kháng cáo về việc yêu cầu xác định lại quan hệ tranh chấp; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu nêu trên.

- Người đại diện của bị đơn và đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty PV) là ông Nguyễn Ph H trình bày: Khoản tiền vay theo Hợp đồng 01 và 02 là do việc chuyển nợ cá nhân của ông H đối với ông B sang Công ty PMV; ông H ký với tư cách nợ cá nhân chứ không phải nhân danh Công ty PMV, bởi lẽ việc ông H ký kết hai hợp đồng vay mượn tiền trên với ông B không được Hội đồng quản trị của công ty thông qua. Đồng thời, số tiền nợ theo hai Hợp đồng 01, 02 đã được các bên thanh lý theo Biên bản ngày 28/5/2014. Do đó, nguyên đơn khởi kiện là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VH trình bày: đồng ý với lời trình bày của phía bị đơn; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Lê Hữu V trình bày: Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cụ thể là Báo cáo tài chính của Công ty PMV năm 2013, 2014 cũng như lời khai của các đương sự thì không đủ cơ sở kết luận việc nguyên đơn ông VB có cho Công ty PMV vay số tiền

5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng; ông B không chứng minh được việc giao số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng cho Công ty PMV; hợp đồng số 01, 02 bản chất là khoản vay giữa cá nhân ông H với ông B và khoản vay này đã được thanh toán xong theo Biên bản thỏa thuận ngày 28/5/2014. Do đó, nguyên đơn ông VB khởi kiện yêu cầu Công ty PMV trả tiền vay và lãi suất phát sinh là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: xét kháng cáo của nguyên đơn ông VB là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả tranh luận của các bên tại phiên tòa phúc thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 1624/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về hình thức: Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo, Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo được chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hai bên đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là không phù hợp. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu kháng cáo về xác định quan hệ tranh chấp nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại cho phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Trong Đơn kháng cáo ngày 04/12/2018, ngày 18/12/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 1624/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, việc tranh luận tại phiên tòa cũng như quá trình và kết quả giải quyết vụ việc qua các cấp Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về khoản vay giữa cá nhân ông Nguyễn VH và ông VB:

Vào thời điểm các năm 2012, 2013 ông B có cho ông H vay tiền nhiều lần và lần cuối cùng là theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2013 với số tiền tổng cộng là 6.216.705.000 đồng, lãi suất 4,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn; thời hạn vay từ ngày 01/5/2013 đến ngày 31/5/2013. Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty PV (Ông H là thành viên Hội đồng quản trị) thế chấp các tài sản sau: 02 lô đất mà Công ty PV được quyền thi hành án gồm diện tích 2.023m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 881542 và diện tích 8.027,3m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 881552 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh LD cấp ngày 16/3/2006 cho Công ty T&D; 01 lô đất diện tích 7.693m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03811 do Ủy ban nhân dân huyện Nhon Trach, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/8/2004 cho bà Trần Thị Mai Tr (Vợ ông H). Hai bên thỏa thuận, nếu ông H không trả được nợ thì Công ty PV đồng ý giao tài sản thế chấp cho ông B, ông B có toàn quyền định đoạt tài sản, có quyền bán tài sản trên để thu hồi nợ.

Ngày 28/5/2014, các bên có lập Biên bản thỏa thuận về việc trả nợ và thanh lý nợ, biên bản có thể hiện nội dung: “Căn cứ Biên bản thỏa thuận ngày 27/5/2014, ông Nguyễn VH - đại diện Công ty PV, trả cho ông VB số tiền 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng. Ông VB bàn giao lại cho ông H các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp”. Dưới chữ ký ở cuối Biên bản thỏa thuận, ông VB có ghi “Hôm nay ngày 28/5/2014, tôi có nhận đủ số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng)”.

Như vậy, căn cứ tài liệu, chứng cứ nêu trên cho thấy, Biên bản ngày 28/5/2014 là văn bản ghi nhận việc các bên thanh lý đối với khoản nợ trước đây giữa ông H và ông B, bởi lẽ trong Biên bản nói trên thể hiện ông B phải bàn giao tài sản thế chấp là các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà các tài sản này là tài sản được Công ty PV thế chấp để bảo đảm khoản vay cá nhân của ông H với ông B theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2013. Đồng thời, tại phiên tòa, các bên thừa nhận Biên bản ngày 28/5/2014 là dựa trên cơ sở của Biên bản ngày 27/5/2014, mà nội dung chính của Biên bản ngày 27/5/2014 thể hiện việc hai bên là ông H và ông B thanh toán nợ với nhau.

- Xét ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VH cho rằng, Biên bản thỏa thuận ngày 28/5/2014 nói trên là biên bản ghi nhận



việc các bên thỏa thuận thanh lý khoản nợ theo Hợp đồng 02 ngày 02/01/2014 giữa Công ty PMV và ông VB, nhưng do nhân viên của công ty đánh máy nhầm nên trong Biên bản thể hiện là Công ty PV. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo tài liệu hồ sơ thể hiện ông Nguyễn VH hiện là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng PMV, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Đầu tư PV, đây là hai pháp nhân khác nhau. Căn cứ nội dung Biên bản thỏa thuận ngày 28/5/2014, không có nội dung nào thể hiện việc các bên có thỏa thuận liên quan đến Hợp đồng số 02 hay liên quan đến Công ty PMV.

Mặt khác, Hợp đồng 02 là hợp đồng mượn tiền không có tài sản thế chấp, nhưng Biên bản thỏa thuận ngày 28/5/2014 lại thể hiện việc các bên thanh lý nợ và bàn giao tài sản thế chấp mà các tài sản này được thế chấp theo Hợp đồng vay tiền ngày 01/5/2013 như đã phân tích ở trên. Từ đó, có cơ sở kết luận rằng, số tiền 3.000.000.000 (*Ba tỷ*) đồng mà Công ty PV (Đại diện là ông Nguyễn VH) trả cho ông VB ngày 28/5/2014 là số tiền thanh toán cho khoản vay cá nhân của ông H với ông B trước đây; hoàn toàn không liên quan đến khoản vay 5.000.000.000 (*Năm tỷ*) đồng mà ông Hiền đại diện Công ty PMV vay của ông Bằng theo Hợp đồng 02 ngày 02/01/2014. Do đó, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VH là không có cơ sở để chấp nhận.

### [3.2] Về khoản vay giữa Công ty PMV và ông VB:

Theo Hợp đồng 01 và 02, thể hiện Công ty PMV (do ông Nguyễn VH đại diện) có mượn ông VB số tiền 5.000.000.000 (*Năm tỷ*) đồng, các bên thỏa lãi suất là 3%/tháng và cùng thừa nhận Hợp đồng số 2 là chuyển từ Hợp đồng số 1, số tiền vay không thay đổi, chỉ thay đổi thời gian vay mượn tiền.

Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy, ông Nguyễn VH là người đại diện theo pháp luật của Công ty PMV, do đó việc ông H đại diện Công ty PMV ký kết Hợp đồng 01, 02 nói trên là đúng thẩm quyền, ông H cũng thừa nhận việc có ký kết hai hợp đồng này, nội dung của hai hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Đồng thời, sau khi ký Hợp đồng 02, Công ty PMV và ông B có thực hiện các thỏa thuận trong hợp đồng. Cụ thể, Công ty PMV đã chi trả lãi vay cho ông Bằng theo các phiếu chi của công ty như sau: ngày 09/01/2014 chi trả cho ông B 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng tiền lãi; ngày 14/01/2014 chi trả cho ông B 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng tiền lãi; ngày 04/3/2014 chi trả cho ông B 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng tiền lãi; ngày 12/3/2014 chi trả cho ông B 2.000.000.000 (*Hai tỷ*) đồng tiền nợ gốc. Các phiếu chi này do Công ty PMV lập

và có đủ chữ ký của các bộ phận chức năng của công ty gồm: Giám đốc Nguyễn VH, kế toán Vũ Thị Th, thủ quỹ Đinh Thị H1. Do đó, có cơ sở kết luận hai hợp đồng nói trên có giá trị pháp lý đối với các bên và các bên đã thực hiện các thỏa thuận của hợp đồng.

- Xét ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hiền cho rằng, số tiền vay mượn theo Hợp đồng số 01, 02 là khoản nợ cá nhân của ông H với ông B chuyển sang, chứ không phải là khoản vay giữa Công ty PMV với ông Bằng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng số 01, 02 không có nội dung thể hiện số tiền 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng trong hợp đồng là khoản tiền nợ cá nhân của ông Nguyễn VH chuyển sang cho Công ty PMV. Đồng thời, không có văn bản thỏa thuận nào giữa ông H và ông B ghi nhận về việc chuyển nợ trên; trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ trước đến nay, bị đơn và ông Hiền không xuất trình được chứng cứ nào có giá trị pháp lý để chứng minh sự việc; lời trình bày này lại không được ông B thừa nhận. Do đó, ý kiến trên của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn VH là không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai không thống nhất của các đương sự, xác định Hợp đồng số 01, 02 được ký kết giữa Công ty PMV và ông VB là sự chuyển giao từ nợ cá nhân của ông H sang là không xem xét, đánh giá đúng đắn, khách quan, toàn diện các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

- Xét ý kiến của đại diện bị đơn và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc ông Nguyễn VH nhân danh cá nhân ký kết Hợp đồng 01, 02 mà không thông qua Hội đồng quản trị của Công ty PMV nên hợp đồng trên không có hiệu lực, Công ty PMV không có nghĩa vụ thực hiện đối với Hợp đồng 01, 02, Hội đồng xét xử xét thấy:

Như đã phân tích tại mục [3.2], việc ông H đại diện Công ty PMV giao kết hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với điểm a khoản 3 Điều 47 Điều lệ Công ty PMV. Việc ông H - là người đại diện theo pháp luật không thực hiện nghĩa vụ thông báo lại với Hội đồng quản trị của Công ty không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng nói trên. Đồng thời, sau khi hợp đồng được giao kết, Công ty PMV đã thực hiện các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng về việc chi trả lãi vay cho ông B như phần trình bày ở trên. Do đó, ý kiến trên của của đại diện bị đơn và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[3.3.1] Đối với yêu cầu về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 3.000.000.000 (*Ba tỷ*) đồng theo Hợp đồng 02, Hội đồng xét xử xét thấy:

Như đã nhận định ở phần [3.2], Hợp đồng 01, 02 có giá trị pháp lý nên căn cứ vào các điều khoản mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng để giải quyết tranh chấp liên quan giữa ông Bằng và Công ty PMV. Theo lời khai thống nhất của các bên, thì số tiền vay 5.000.000.000 (*Năm tỷ*) đồng tại Hợp đồng 02 là số tiền chuyển từ Hợp đồng 01 sang, do đó căn cứ để các bên giải quyết tranh chấp trong vụ án này là Hợp đồng 02.

Theo Điều 2 của Hợp đồng 02, hai bên có thỏa thuận “Thời hạn và phương thức thanh toán: Kể từ ngày 02/01/2014 đến ngày 30/6/2014”. Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Tuy nhiên, tính đến thời điểm khởi kiện, bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 2.000.000.000 (*Hai tỷ*) đồng (theo phiếu chi ngày 12/3/2014).

Từ những căn cứ và nhận định như trên; xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 31/2017/KN-KDTM ngày 26/4/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn là Công ty PMV phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 3.000.000.000 (*Ba tỷ*) đồng cho ông VB.

[3.3.2] Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán lãi suất được tính theo lãi phạt quá hạn là 18%/năm, tạm tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/11/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) là 2.475.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Sau đây gọi là Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP) do Hợp đồng 02 nói trên được ký kết ngày 02/01/2014 và cho đến nay bên vay tiền là Công ty PMV vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ nên đây được xác định là Hợp đồng đang được thực hiện.

Theo lời trình bày thống nhất của các đương sự, thì lãi suất vay được các bên thỏa thuận của Hợp đồng 02 là 3%/tháng, tương đương lãi suất 36%/năm. Do đó, theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP mặc dù đây là hợp đồng đang được thực hiện,

nhưng mức lãi, lãi suất trên không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

Xét thấy Hợp đồng 02 là hợp đồng vay có lãi, có kỳ hạn, nhưng hết hạn mà bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo quy định tại Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi, lãi suất quá hạn trên số nợ gốc chưa trả là có cơ sở chấp nhận.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có yêu cầu sửa đổi về yêu cầu tính lãi và lãi suất quá hạn, theo đó nguyên đơn đồng ý tính lãi trong hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm (0,75%/tháng) và lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn (1,125%/tháng). Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể, số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng 02 được tính lại như sau:

+ Lãi trong hạn phát sinh từ ngày 02/01/2014 đến ngày 30/6/2014:

Từ ngày 02/01/2014 đến ngày 12/3/2014 là 70 ngày, số tiền lãi phát sinh là  $(5.000.000.000 \text{ đồng} \times 70 \text{ ngày} \times 0,75\%) : 30 \text{ ngày} = 87.500.000 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 13/3/2014 đến ngày 30/6/2014 là 110 ngày, số tiền lãi phát sinh là  $(3.000.000.000 \text{ đồng} \times 110 \text{ ngày} \times 0,75\%) : 30 \text{ ngày} = 82.500.000 \text{ đồng}$ .

=> Tổng số tiền lãi trong hạn là:  $87.500.000 + 82.500.000 = 170.000.000$  (Một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng 02, Công ty PMV đã chi trả tiền lãi cho ông Bằng tổng cộng là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Như vậy, tính đến ngày 30/6/2014, phần lãi trong hạn đối với khoản vay đã được Công ty PMV thanh toán xong, số tiền còn lại được bù trừ vào nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc là:  $400.000.000 - 170.000.000 = 230.000.000 \text{ đồng}$ . Do đó, số tiền nợ gốc còn lại tính đến ngày 01/7/2014 là:  $3.000.000.000 - 230.000.000 = 2.770.000.000$  (Hai tỷ bảy trăm bảy mươi triệu) đồng.

+ Lãi quá hạn phát sinh từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/11/2018:

Lãi suất quá hạn là  $0,75\%/tháng \times 150\% = 1,125\%/tháng$ . Cụ thể số tiền lãi từ ngày 01/7/2014 đến ngày 23/11/2018 là 1.606 ngày được tính như sau:  $(2.770.000.000 \text{ đồng} \times 1.606 \text{ ngày} \times 1,125\%/tháng) : 30 \text{ ngày} = 1.668.232.500$  (Một tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

=> Số tiền lãi tính đến ngày 23/11/2018 mà Công ty PMV phải thanh toán phát sinh từ Hợp đồng 02 là: 1.668.232.500 (Một tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty PMV phải trả cho ông VB là 4.438.232.500 (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 2.770.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 1.668.232.500 đồng).

- Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với ý kiến phân tích của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Với những phân tích và nhận định ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Cần sửa bản án của Tòa án cấp sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do ngày 30/5/2018, nguyên đơn có khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện nên án phí được tính áp dụng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là Công ty PMV phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 4.438.232.500 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông VB không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, Điều 471, Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông VB.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1624/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 330/2018/QĐ-SCBSBA ngày 10/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông VB.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng PMV trả cho ông VB số tiền còn nợ là 4.438.232.500 (*Bốn tỷ bốn trăm ba mươi tám triệu hai trăm ba mươi hai nghìn năm trăm*) đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 2.770.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 23/11/2018 là 1.668.232.500 đồng). Việc trả tiền được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng PMV phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 112.438.232 (*Một trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn hai trăm ba mươi hai*) đồng.

- Ông VB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.000.000 (*Bốn mươi sáu triệu*) đồng theo Biên lai thu số AB/2012/08944 ngày 19/01/2015 và 37.150.000 (*Ba mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0020817 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông VB không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông B 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0021509 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng PMV số tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 200.000 đồng theo Biên lai thu số AB/2012/09650 ngày 22/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại ông Nguyễn VH số tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 200.000 đồng theo Biên lai thu số AB/2012/09701 ngày 22/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 3, Tp.HCM;
- TAND Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (20, Đ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thương**